

Bản án số: 88/2022/HS-PT  
Ngày 05-9-2022

**NHÂN DANH  
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

**- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:**

*Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:* Ông Ngô Hà Nam

*Các Thẩm phán:* Ông Bùi Trọng Danh

Bà Dương Thị Hồng Minh

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Thiên Hà, Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng

**- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Đà Nẵng tham gia phiên tòa:** Ông Lương Hồng Minh - Kiểm sát viên

Ngày 05 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự phúc thẩm thụ lý số 64/2022/TLPT-HS ngày 06 tháng 7 năm 2022 đối với bị cáo Nguyễn Hữu H và các bị cáo khác do có kháng cáo của các bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 02 tháng 6 năm 2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

**- Các bị cáo có kháng cáo:**

**1. Nguyễn Hữu H**

Sinh ngày 01 tháng 01 năm 1970, tại Quảng Nam; nơi cư trú: Đường L, phường H, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên Giám đốc Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Hữu N và bà Hồ Thị C; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt, tạm giữ ngày 27-5-2021. Có mặt.

**2. Trần Giang S**

Sinh ngày 20 tháng 4 năm 1979, tại Thanh Hóa; nơi cư trú: Đường L, phường T, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên Trưởng Phòng Đào tạo Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam;

tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trần C và bà Lê Thị S; có vợ và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

### **3. Lê Huỳnh Ánh V**

Sinh ngày 02 tháng 6 năm 1974, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: đường H, phường P, quận H, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nguyên Kế toán trưởng Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Văn H và bà Huỳnh Thị L; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị bắt, tạm giam từ ngày 27-5-2021 đến ngày 01-9-2021 được thay thế bằng biện pháp bảo lãnh; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

### **4. Nguyễn Thị Thanh N**

Sinh ngày 28 tháng 11 năm 1984, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Đường H, phường A, quận S, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Chuyên viên Phòng Công nghệ tư vấn của Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Văn M và bà Nguyễn Thị C; có chồng và 01 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

### **5. Bùi Thị H**

Sinh ngày 04 tháng 9 năm 1987, tại Ninh Bình; nơi cư trú: Đường P, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Nhân viên Văn thư tại Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Bùi Văn P và bà Đinh Thị X; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

### **6. Nguyễn Thị Như H**

Sinh ngày 04 tháng 10 năm 1983, tại Đà Nẵng; nơi cư trú: Chung cư U, phường H, quận L, thành phố Đà Nẵng; nghề nghiệp: Kế toán – Hành chính – Thủ quỹ của Trung tâm C; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Đức T và bà Lê Thị V; có chồng và 02 con; tiền án, tiền sự, nhân thân: Không; bị cáo tại ngoại. Có mặt.

## **NỘI DUNG VỤ ÁN:**

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau: Trung tâm C (Sau đây viết tắt là Trung tâm C) trực thuộc Sở T, là đơn vị sự nghiệp có thu, được thành lập theo Quyết định số 5526/QĐ-

UBND ngày 17-8-2006 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố Đ; trụ sở tại đường Q, phường H, quận H, thành phố Đ. Trung tâm C tham gia hợp đồng đào tạo nghề cho lao động đặc thù, lao động nông thôn trên địa bàn thành phố Đ do Ủy ban nhân dân thành phố Đ cấp kinh phí, gồm các nghề thiết kế đồ họa; sửa chữa máy tính; quản trị mạng. Việc tổ chức các khóa (lớp) học đào tạo được triển khai thực hiện theo quy định của Chính phủ, các Bộ và Ủy ban nhân dân thành phố Đ. Thông qua công tác đào tạo nghề các lớp đặc thù, Giám đốc Trung tâm C Nguyễn Hữu H đã chỉ đạo cấp dưới gồm Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H thực hiện các hành vi sau đây để chiếm đoạt tiền ngân sách nhà nước và chi tiêu trái quy định 227.506.000 đồng:

- Trong 02 năm 2017 và 2018, kinh phí hỗ trợ dạy nghề mà Trung tâm C được Sở Lao động chấp nhận quyết toán đối với 13 lớp trên tổng số 289 học viên là 644 triệu đồng. Tuy nhiên, qua điều tra xác định có 155 học viên không tham gia học hoặc học dở dang, nhưng Trung tâm C vẫn làm hồ sơ như tờ trình đề nghị quyết toán; bảng tổng hợp danh sách học viên đề nghị quyết toán; danh sách dự thi và điểm thi cuối khóa; biên bản kiểm tra kết thúc khóa học; quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách học viên tốt nghiệp; biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng ... để thanh toán với Sở Lao động đầy đủ; trong đó, có 22 học viên không tham gia học nhưng vẫn làm thủ tục để thanh quyết toán như hợp đồng học nghề; giả mạo chữ ký của học viên để làm danh sách dự thi và điểm thi, gây thiệt hại cho Ủy ban nhân dân thành phố số tiền 52 triệu đồng.

- Mặt khác, trong 13 khóa đào tạo nói trên thì có 12 khóa Nguyễn Hữu H và đồng phạm đã giảm số tiết dạy thực tế so với hợp đồng để chiếm đoạt tiền chênh lệch, cụ thể: 11 khóa thiết kế đồ họa, thanh toán 394 tiết/ 01 khóa, nhưng thực tế chỉ dạy và trả tiền cho giáo viên 186 tiết (chênh lệch 208 tiết); 01 khóa sửa chữa máy tính, thanh toán 292 tiết, nhưng thực tế chỉ dạy và trả tiền cho giáo viên 150 tiết (chênh lệch 142 tiết), chiếm đoạt 175.506.000 đồng.

Trong vụ án, các bị cáo đã thực hiện hành vi cụ thể như sau:

- Đối với Nguyễn Hữu H là Giám đốc Trung tâm C, đã chỉ đạo cho Phòng Đào tạo và Phòng Kế hoạch - Quản trị hỗ trợ nhau để lập hồ sơ thanh quyết toán và tính toán kinh phí từ các khóa lao động đặc thù nhằm tạo nguồn thu đưa vào quỹ riêng, cụ thể:

+ Đồng ý cho Trần Giang S giảm số tiết dạy khóa thiết kế đồ họa từ 394 tiết xuống 186 tiết; khóa sửa chữa máy tính từ 292 tiết xuống 150 tiết;

+ Chỉ đạo Lê Huỳnh Ánh V hỗ trợ Trần Giang S tính toán số tiền có được từ việc giảm tiết dạy của giáo viên để thu hồi về tiền về nhập quỹ riêng;

+ Giao cho Phòng Kế hoạch - Quản trị tính toán tổng giá trị của Hợp đồng đào tạo 13 khóa lao động đặc thù để trích 20% tiền trên tổng giá trị của hợp đồng 644 triệu đồng để đưa cho Phòng Dạy nghề, thuộc Sở Lao động;

+ Toàn bộ số tiền thu về từ giáo viên, H giao cho Nguyễn Thị Như H quản lý, thực hiện thu chi theo chỉ đạo của H và hàng tháng báo cáo kết quả cho H và V biết để theo dõi, chỉ đạo. Cụ thể, số tiền chiếm đoạt đã chi vào những mục đích sau đây: Ngày 04-01-2018, chi 61,7 triệu đồng gửi cho bà Kiều Thị Thanh T làm quà cảm ơn Phòng Dạy nghề - Sở Lao động; Ngày 04-01-2018, chi 22,4 triệu đồng để mua quà biếu Tết cho các cán bộ của Sở Lao động; Ngày 30-01-2019, chi 61,5 triệu đồng gửi cho bà Kiều Thị Thanh T làm quà cảm ơn Phòng Dạy nghề - Sở Lao động; còn lại được chi cho những hoạt động khác của Trung tâm như: Thăm ốm đau, liên hoan, sinh nhật và các sự kiện lễ khác ...

- Đối với Trần Giang S là Trưởng phòng Đào tạo đã tham mưu và thực hiện theo ý kiến chỉ đạo của Nguyễn Hữu H về việc giảm số tiết dạy của giáo viên trên thực tế; lập hồ sơ thanh quyết toán hết đối với các trường hợp học viên không tham gia học, nghỉ học giữa chừng; trực tiếp liên hệ với giáo viên để thu lại số tiền chênh lệch 175.506.000 đồng về giao lại cho V và H để tính toán nhập quỹ riêng; phân công nhiệm vụ và chỉ đạo Nguyễn Thị Thanh N chịu trách nhiệm chính, Bùi Thị H hỗ trợ trong việc làm hồ sơ, hợp thức hóa hồ sơ, như ký giả tên học viên, tự cho điểm thi để thanh quyết toán 12 khóa lao động đặc thù; đồng thời, S cũng giúp N ký giả một số chữ ký của học viên trong bảng “Danh sách dự thi và điểm thi” và “Hợp đồng học nghề”.

- Đối với Lê Huỳnh Ánh V là Phó phòng Kế hoạch - Quản trị, kiêm Kế toán trưởng, phụ trách kế toán, đã thông qua toàn bộ hồ sơ thanh quyết toán với Sở Lao động và hồ sơ thanh toán hợp đồng với giảng viên của 13 khóa học; giao H kiểm tra để trình cho V kiểm tra lại và ký trước khi trình cho Nguyễn Hữu H ký; thực hiện theo chỉ đạo của H về việc phối hợp với Phòng Đào tạo để thanh quyết toán hợp đồng của giáo viên; nắm được việc nâng khống tiết dạy, phối hợp với S và H tính toán số tiền cần thu hồi từ giáo viên để S và H đi thu hồi; sau khi thực hiện

xong, V có báo cáo lại kết quả cho H biết để chỉ đạo; thực hiện theo chỉ đạo của Hải trích 20% tổng giá trị hợp đồng để chi cho đối tác nên cuối năm 2017 và 2018, sau khi nhận được tiền thanh toán, bộ phận kế toán đã trích tiền để H trực tiếp gửi cho Phòng Dạy nghề.

- Đối với Nguyễn Thị Thanh N là chuyên viên Phòng Đào tạo, thông qua công tác kiểm tra, quản lý học viên tham gia các khóa học nên nắm được tình trạng các học viên đăng ký rồi không học hoặc nghỉ học giữa chừng, nhưng vẫn làm thủ tục thanh quyết toán; nhận chỉ đạo từ H và S là phải thanh quyết toán được toàn bộ kinh phí đào tạo đối với các khóa học; qua đó, trường hợp học viên không đi học và nghỉ học giữa chừng thì N nhờ S và H hỗ trợ ký giả mạo một số chữ ký của học viên trong “Danh sách dự thi và điểm thi” và “Hợp đồng học nghề” năm 2017; tự cho điểm thi và đánh giá kết quả “Đạt”; năm 2018, N có trao đổi trước với S và thực hiện cho học viên các khóa ký trước vào hồ sơ thanh quyết toán ngay từ khi khai giảng gồm: Danh sách dự thi và điểm thi, Hợp đồng học nghề; khi làm hồ sơ thanh quyết toán N tự cho điểm vào những học viên không học, nghỉ học giữa chừng, không thi; tham mưu cấp chứng chỉ cho toàn bộ học viên theo hồ sơ hợp thức; mặc dù, Trung tâm C không tổ chức thi kết thúc khóa học nhưng N vẫn tham mưu xây dựng Quyết định thành lập hội đồng kiểm tra kết thúc khóa học và N nhờ một số cán bộ ở Phòng Đào tạo ký xác nhận vào hồ sơ để hoàn thiện các thủ tục thanh quyết toán.

- Đối với Bùi Thị H là chuyên viên Phòng Đào tạo, đã hỗ trợ Nga quản lý các học viên vắng học nên H nắm được có khoảng một nửa học viên của các khóa học lao động đặc thù năm 2017 không đi học và nghỉ học giữa chừng; nhận chỉ đạo từ S, để hỗ trợ N ký giả mạo chữ ký của học viên trong “Danh sách dự thi và điểm thi” và “Hợp đồng học nghề” để hợp thức hồ sơ thanh quyết toán; đưa 05 hồ sơ học viên không tham gia học vào danh sách học viên khóa 6/2017 lớp thiết kế đồ họa để thanh quyết toán; biết một số học viên năm 2017 không tham gia thi nhưng vẫn hỗ trợ N sao chép điểm thi và đánh giá kết quả “Đạt” vào trong bảng “Danh sách dự thi và điểm thi”; cho học viên một số khóa học năm 2018 ký xác nhận trước vào hồ sơ kết thúc khóa học trong ngày khai giảng gồm: Danh sách dự thi và điểm thi; Hợp đồng học nghề, để hỗ trợ cho N thanh quyết toán hồ sơ cuối năm.

- Đối với Nguyễn Thị Như H là chuyên viên Kế toán, Hành chính, Thủ quỹ, biết chủ trương nâng khống tiết dạy, kiểm tra hồ sơ thanh quyết toán, trình cho V duyệt trước khi trình cho H ký; hỗ trợ V và S tính thuế thu nhập cá nhân, tính số

tiền thực dạy của giáo viên để S biết thu hồi số tiền chênh lệch từ giáo viên trong 12 khóa học đem về nhập vào quỹ riêng theo chỉ đạo của H; giúp cho H quản lý sổ sách, thu chi nguồn tiền có được từ các khóa lao động đặc thù, việc thu chi là thực hiện theo chỉ đạo của H và V, hàng tháng đều báo cáo cho H và V biết để chỉ đạo.

Với nội dung nói trên, tại Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 02-6-2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng đã quyết định:

- Tuyên bố các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”.

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 năm 06 tháng tù; thời hạn tù tính từ ngày 27-5-2021.

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Trần Giang S 02 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh Ánh V 01 năm 06 tháng tù, nhưng được trừ đi thời gian đã tạm giam là 03 tháng 08 ngày; thời gian chấp hành hình phạt còn lại là 01 năm 02 tháng 22 ngày tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, n, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự. Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như H 01 năm tù; thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

- Ngoài ra, án sơ thẩm còn tuyên về bồi thường thiệt hại; xử lý vật chứng; án phí hình sự sơ thẩm và thông báo quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Ngày 13-6-2022, bị cáo Nguyễn Hữu H có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt; ngày 14-6-2022, bị cáo Nguyễn Thị Thanh N nộp đơn kháng cáo xin hưởng án treo; ngày 14-6-2022, các bị cáo Trần Giang S, Nguyễn Thị Như H và Bùi Thị Như Hòa nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo; ngày 18-6-2022, bị cáo Lê Huỳnh Ánh V nộp đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo.

Tại phiên tòa phúc thẩm, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm của Viện kiểm sát như sau:

- Đơn kháng cáo về nội dung xin được giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của cả 06 bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh Nga, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H là trong thời hạn quy định của pháp luật về tố tụng hình sự, nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét, giải quyết.

- Về nội dung kháng cáo, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” theo khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật; cũng như xử phạt bị cáo H mức án 03 năm 06 tháng tù, bị cáo S 02 năm tù, bị cáo Lê Huỳnh Ánh V 01 năm 06 tháng tù, các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H, Nguyễn Thị Như H mỗi bị cáo 01 năm tù là đã tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo, đã xem xét đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm cho từng bị cáo; mức án đã tuyên đối với các bị cáo là không nặng; các quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm là có căn cứ, đúng pháp luật nên đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo; giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo thừa nhận Tòa án cấp sơ thẩm kết án các bị cáo phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ” là đúng tội, không oan. Tuy nhiên, các bị cáo đề nghị HĐXX phân hóa vai trò và hành vi của từng bị cáo đã thực hiện trên thực tế; xem xét lại số tiền thiệt hại của nhà nước; xem xét lại về điều khoản áp dụng và một số nhận định của Tòa án cấp sơ thẩm.

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Tại phiên tòa phúc thẩm, các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H khai nhận

hành vi phạm tội, lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ mà cơ quan điều tra đã thu thập được thể hiện tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở để kết luận các bị cáo đã cố ý thực hiện các hành vi sau đây:

Trong năm 2017 và 2018, Trung tâm C đã ký hợp đồng với Sở Lao động để tổ chức 13 lớp dạy nghề, với tổng số 289 học viên và được nhận hỗ trợ kinh phí dạy nghề 644 triệu đồng. Để được Sở Lao động quyết toán số tiền 644 triệu đồng nói trên, các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H đã lợi dụng chức vụ, quyền hạn được giao tại Trung tâm C để bổ sung hồ sơ cho 155 học viên không tham gia học và bỏ học; cụ thể các bị cáo đã bổ sung: Hợp đồng học nghề; danh sách dự thi; điểm thi cuối khóa; giả mạo chữ ký của học viên; biên bản kiểm tra kết thúc khóa học; quyết định công nhận tốt nghiệp kèm danh sách học viên tốt nghiệp; biên bản nghiệm thu và thanh lý hợp đồng, gây thiệt hại cho ngân sách nhà nước 52 triệu đồng. Mặt khác, trong 13 lớp dạy nghề nói trên trừ lớp đầu tiên thì 12 lớp còn lại các bị cáo đã hạ tiết dạy – học thực tế của giáo viên và học viên, qua đó thanh toán tiền thù lao cho giáo viên ít hơn hợp đồng; số tiền theo hợp đồng giảng dạy giáo viên hoàn trả lại để các bị cáo chiếm đoạt là 175.506.000 đồng. Nên hành vi của các bị cáo đã phạm vào tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, quy định tại Điều 356 của Bộ luật Hình sự.

Mặt khác, với việc các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S và Lê Huỳnh Ánh V cùng bàn bạc, phân công, có kế hoạch đối phó để nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội trong thời gian dài nên hành vi của H, S và V là một hình thức cao của đồng phạm; cùng với thiệt hại do các bị cáo gây ra là 227.506.000 đồng, do đó hành vi của các bị cáo H, S và V bị định khung tăng nặng về các tình tiết “Có tổ chức”, “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, quy định tại điểm a, b, c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Đối với các bị cáo Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H đã thực hiện hành vi phạm tội nhiều lần theo chỉ đạo của H, S và V mà không có sự bàn bạc và với thiệt hại chung do các bị cáo gây ra là 227.506.000 đồng, do đó hành vi của các bị cáo N, H và H bị định khung tăng nặng về các tình tiết “Phạm tội 02 lần trở lên” và “Gây thiệt hại về tài sản từ 200.000.000 đồng đến dưới 1.000.000.000 đồng”, quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm kết tội các bị cáo H, S và V phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, theo quy định điểm a, b, c



khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự và các bị cáo N, H và H phạm tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”, theo quy định điểm b, c khoản 2 Điều 356 của Bộ luật Hình sự là có căn cứ và đúng pháp luật.

[2] Xét kháng cáo của bị cáo Nguyễn Hữu H về xin giảm nhẹ hình phạt tù, thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo H là lãnh đạo, người đứng đầu Trung tâm C, nhưng lại tổ chức, chỉ đạo cho các bị cáo khác là nhân viên dưới quyền của bị cáo thực hiện hành vi trái công vụ; hành vi của các bị cáo là nguy hiểm, gây ảnh hưởng xấu trong dư luận xã hội đối với uy tín của các cơ quan nhà nước, nên bị cáo phải chịu mức án cao nhất so với các bị cáo còn lại. Khi xét xử sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã xem xét và áp dụng đầy đủ các tình tiết giảm nhẹ cho bị cáo và mức án đã tuyên đối với bị cáo là phù hợp với hành vi phạm tội mà bị cáo thực hiện, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo H.

[3] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt tù và xin hưởng án treo của bị cáo Trần Giang S, thì thấy: Trong vụ án này, bị cáo trực tiếp thực hiện điều chỉnh giảm số tiết dạy – tiết học của giáo viên và học viên; phân công bị cáo Nguyễn Thị Thanh N và bị cáo Bùi Thị H trong việc làm hồ sơ, hợp thức hóa hồ sơ của học viên; trực tiếp liên hệ với giáo viên để thu lại số tiền 175.506.000 đồng về giao lại cho bị cáo Lê Huỳnh Ánh V và bị cáo Nguyễn Thị Như H nhập quỹ riêng, hành vi của bị cáo là rất tích cực. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm bị cáo cung cấp các giấy tờ, tài liệu thể hiện gia đình có công với cách mạng, như: Giấy chứng nhận bệnh binh của ông Trần C; Giấy chứng nhận thương binh của ông Trần C; Huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng ba của ông Trần C; Huân chương kháng chiến hạng ba của ông Trần C. Đây là tình tiết mới phát sinh tại giai đoạn xét xử phúc thẩm, tuy nhiên Hội đồng xét xử xét thấy mức án 02 năm tù mà Hội đồng xét xử sơ thẩm đã tuyên cho bị cáo là đã phù hợp với hành vi phạm tội của bị cáo thực hiện trong vụ án, nên Hội đồng xét xử phúc thẩm không chấp nhận kháng cáo của bị cáo S.

[4] Xét kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt và xin hưởng án treo của các bị cáo Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H, thì thấy: Trong vụ án này, các bị cáo V, N, H và H đều là người trực tiếp thực hiện tội phạm và giúp sức cho các bị cáo H và S, nên Hội đồng xét xử sơ thẩm đã xem xét hành vi và cá thể hóa hình phạt cho các bị cáo nên đã tuyên phạt bị cáo V mức án 01 năm 06 tháng tù; 03 bị cáo N, H và H mỗi bị cáo 01 năm tù là phù hợp. Tại giai đoạn xét xử phúc thẩm các bị cáo không có tình tiết giảm nhẹ nào mới, nên Hội đồng xét xử không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo V, N, H và H.

[5] Về án phí hình sự phúc thẩm: Do giữ nguyên quyết định về hình sự đối với các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H nên các bị cáo phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

[6] Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, theo quy định tại Điều 343 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

*Vì các lẽ trên,*

## **QUYẾT ĐỊNH**

1. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 355 và Điều 356 của Bộ luật Tố tụng hình sự,

Không chấp nhận kháng cáo của các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H.

Giữ nguyên Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 02-6-2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng.

2. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu H 03 (ba) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày 27-5-2021.

3. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Trần Giang S 02 (hai) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

4. Căn cứ điểm a, b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Lê Huỳnh Ánh V 01 (một) năm 06 (sáu) tháng tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Được trừ đi thời gian đã tạm giam là 03 (ba) tháng 08 (tám) ngày. Buộc bị cáo tiếp tục thi hành hình phạt 01

(một) năm 02 (hai) tháng 22 (hai mươi hai) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Thanh N 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

6. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, s, t khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Bùi Thị H 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

7. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 356; điểm b, n, s, t, v khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 54 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Thị Như H 01 (một) năm tù về tội “Lợi dụng chức vụ, quyền hạn trong khi thi hành công vụ”. Thời hạn tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

8. Về án phí hình sự phúc thẩm: Căn cứ vào Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Các bị cáo Nguyễn Hữu H, Trần Giang S, Lê Huỳnh Ánh V, Nguyễn Thị Thanh N, Bùi Thị H và Nguyễn Thị Như H mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự phúc thẩm.

9. Các quyết định khác của Bản án hình sự sơ thẩm số 48/2022/HS-ST ngày 02-6-2022 của Tòa án nhân dân quận H, thành phố Đà Nẵng không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

10. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

**Nơi nhận:**

- VKSND TP. Đà Nẵng;
- VKSND quận H;
- TAND quận H;
- CQCSĐT Công an quận H;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

- Người kháng cáo;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**Ngô Hà Nam**